

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HƠI KỸ NGHỆ QUE HÀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 242 /S-TCKT
V/v Giải trình giảm lợi nhuận
sau soát xét BCTC bán niên năm 2019

TP. Hồ Chí Minh, ngày ¹³ tháng 08 năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty niêm yết: **CÔNG TY CỔ PHẦN HƠI KỸ NGHỆ QUE HÀN**
- Mã chứng khoán: **SVG**
- Địa chỉ trụ sở chính: **1 - 3 Nguyễn Trường Tộ, P. 12, Quận 04, TP. HCM.**
- Điện thoại: (08) 38267269 - Fax: 08 39400942

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán” tại khoản 4, Điều 11, Công ty giải trình nguyên nhân giảm lợi nhuận sau soát xét báo cáo tài chính bán niên năm 2019 so với Báo cáo tài chính quý 2 năm 2019 như sau:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Trước soát xét	Sau soát xét	Chênh lệch sau soát xét
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	128.709.542.056	128.709.542.056	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0	0
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	128.709.542.056	128.709.542.056	0
4. Giá vốn hàng bán	11	105.860.209.710	106.993.309.708	1.133.099.998
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	22.849.332.346	21.716.232.348	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	8.926.794	8.926.794	0
7. Chi phí tài chính	22	4.660.547.038	4.860.139.304	199.592.264
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	4.660.547.038	4.860.139.304	199.592.264
8. Chi phí bán hàng	24	7.933.874.466	7.699.168.547	-234.705.919
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	7.753.173.305	6.753.979.224	-999.194.081
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2.510.664.331	2.411.872.067	-98.792.264
11. Thu nhập khác	31	331.685.488	331.685.488	0
12. Chi phí khác	32	1.180.715.281	1.181.515.281	800.000

13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40	-849.029.793	-849.829.793	-800.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	1.661.634.538	1.562.042.274	-99.592.264
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	382.923.129	363.004.676	-19.918.453
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	1.278.711.409	1.199.037.598	-79.673.811

Lợi nhuận giảm do tăng trích trước chi phí lãi vay phải trả trong tháng 6 năm 2019 thêm 199.592.264 đồng và giảm trích trước chi phí bán hàng 100.000.000 đồng, làm lợi nhuận trước thuế giảm 99.592.264 đồng.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Anh Phong

